



MARKET LENS

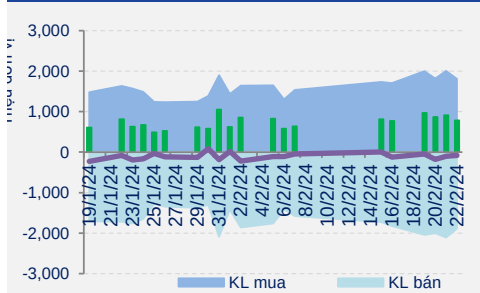
Phiên giao dịch ngày: 22/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

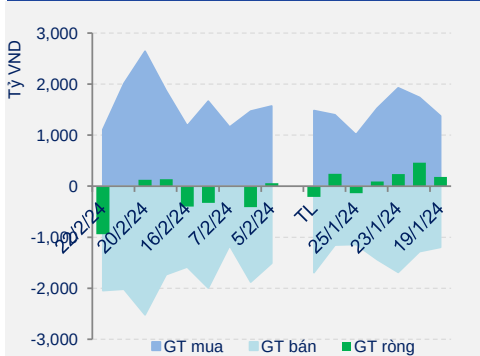
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,227.31	234.01
% Thay đổi	↓ -0.22%	↑ 0.07%
KLGD (CP)	785,510,866	88,123,038
GTGD (tỷ đồng)	17,908.10	1,587.85
Tổng cung (CP)	1,890,652,372	165,965,900
Tổng cầu (CP)	1,812,595,708	126,878,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	70,231,220	1,362,462
KL mua (CP)	42,967,951	1,699,967
GT mua (tỷ đồng)	1,108.62	50.52
GT bán (tỷ đồng)	2,047.76	29.34
GT ròng (tỷ đồng)	(939.14)	21.18

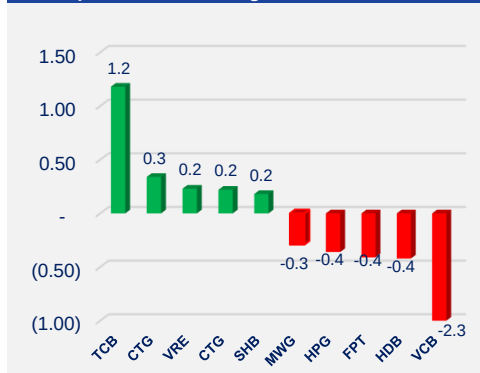
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Áp lực bán tiếp tục gia tăng khiến cho thị trường có phiên thứ 2 giao dịch trong biên độ hẹp dưới vùng kháng cự mạnh định tháng 08/09/2023 (1.235 điểm). Kết phiên VN-INDEX giảm 2,73 điểm (-0,22%) về mức 1.227,31 điểm. HNX-INDEX tăng 0,16 điểm (+0,07%) lên mức 234,00 điểm. Độ rộng tiêu cực hơn với 340 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) với nhiều vị thế mua ở vùng giá cao không sinh lợi tốt khi cổ phiếu về tài khoản, 300 mã tăng giá (17 mã tăng trần) và 150 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết giảm khá mạnh 18,7% so với phiên trước khi chỉ đạt 19.487,59 tỷ đồng được giao dịch, ở mức trung bình. Trong đó khối lượng giao dịch của VN30 giảm 22,16% so với phiên trước, thể hiện áp lực điều chỉnh vẫn tương đối bình thường khi giá giảm khối lượng giao dịch giảm. Khối ngoại giảm mạnh giao dịch ở vị thế mua và bán ròng mạnh trong phiên hôm nay trên HOSE với giá trị bán ròng 939,14 tỷ đồng, tập trung bán ròng mạnh ở nhóm ngân hàng, thép, chứng khoán trong VN30, mua ròng trên HNX với giá trị 21,18 tỷ đồng.

Theo biên bản cuộc họp tháng 1 được công bố hôm 21/2/2024 của FED, các quan chức FED vẫn lo ngại lạm phát còn đang ở mức cao hơn mục tiêu 2%, mặc dù lãi suất đã tăng gần hai năm để hạ nhiệt áp lực giá cả. Các quan chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ vẫn "chú ý cao độ" đến rủi ro lạm phát và cảnh giác với việc cắt giảm lãi suất quá nhanh. Biên bản nhấn mạnh rằng vẫn còn quá sớm để cắt giảm lãi suất, hiện đang ở mức cao nhất trong vòng 23 năm là từ 5,25% đến 5,5%. Điều này đi ngược với kỳ vọng của thị trường về khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ ngay sau tháng 3/2024.

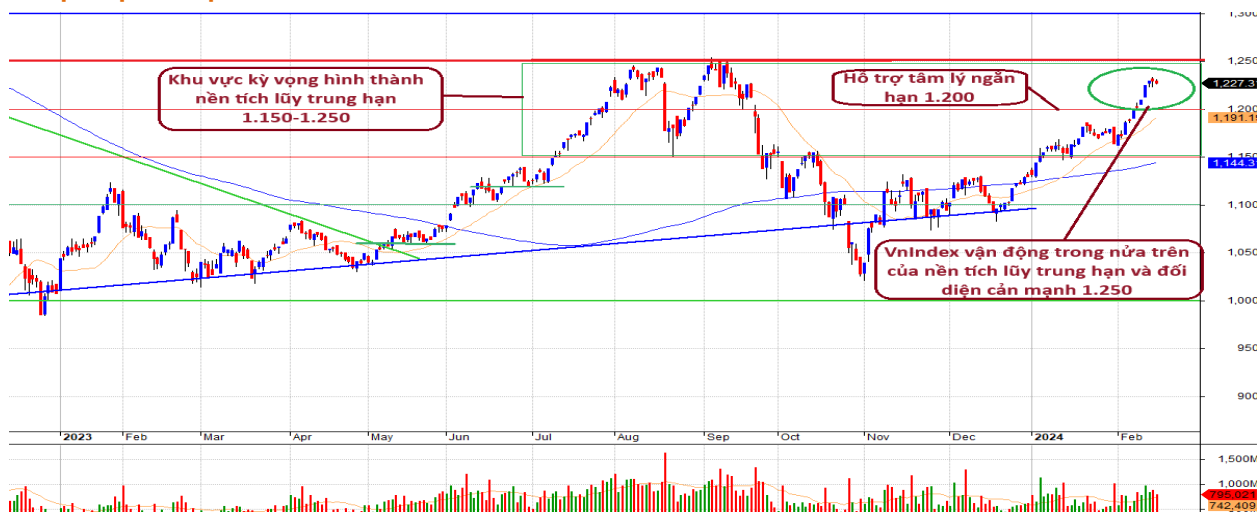
Mặc dù áp lực bán gia tăng khá mạnh khi VN-INDEX gặp vùng đỉnh giá tháng 08, 09/2023, nhưng điểm tích cực là lực cầu và dòng tiền vẫn đang luân chuyển tốt thể hiện trong nhóm VN30 với các mã tăng điểm tích cực, thanh khoản trên mức trung bình như TCB (+3,33%), SHB (+1,68%), VRE (+1,54%), VIB (+0,90%)... trong khi đa số điều chỉnh nhẹ, thanh khoản ở mức trung bình với HDB (-2,55%), VCB (-1,76%), MWG (-1,74%)...

Thị trường vẫn duy trì nhiều mã nhóm mã tăng giá mạnh tích cực nổi bật như nhóm nông nghiệp, thủy sản như LSS (+6,93%), HNG (+6,91%), SBT (+2,22%), IDI (+1,30%)... nhựa, xây dựng với BMP (+4,66%), NTP (+2,08%), LCG (+2,27%), PC1 (+1,92%)... hay các mã như CTR (+3,4%), VTP (+5,4%), BCA (+14,7%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có nhiều mã diễn biến tích cực, tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến như PTL (+6,93%), NRC (+6,00%), AAV (+5,13%), QCG (+4,79%)... ngoài đa số giảm điểm, thanh khoản dưới mức trung bình như NVL (-1,44%), CEO (-1,38%), PDR (-1,36%), DXG (-1,33%)...

Trong khi đó nhóm dịch vụ tài chính hầu hết chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản giảm dưới mức trung bình thể hiện áp lực bán không mạnh như BSI (-1,68%), VIX (-1,63%), VDS (-1,59%), AGR (-1,44%)... ngoài các mã tăng giá như CSI (+2,34%), VIG (+1,32%), ORS (+1,24%)... Các cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến khá tích cực trong phiên hôm nay với thanh khoản đột biến như PVD (+2,81%) vượt đỉnh cũ gần nhất, VTO (+1,96%), PVC (+0,68%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 giảm 2 điểm (-0,16%), chênh lệch âm 1,9 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 31,83% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.225 điểm, vùng kháng cự mạnh 1.240 điểm -1.262 điểm tương ứng đỉnh cũ tháng 08, 09/2023. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 0,0 điểm đến -5,9 điểm so với VN30, mức chênh lệch âm thu hẹp. Cho thấy các trader đóng các vị thế mua khi VN30 gặp vùng kháng cự mạnh, kết thúc kỳ vọng lạc quan với xu hướng của VN30, nhưng cũng không quá bi quan về khả năng giảm điểm mạnh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Đà tăng của thị trường đã chứng lại trước áp lực bán tăng dần khi Vn-Index tiến gần vùng cản mạnh 1.250 điểm như chúng tôi đã dự báo và rủi ro điều chỉnh của thị trường đang tăng lên. Chốt phiên VnIndex giảm -2,73 điểm (-0,22%) và đóng cửa ở 1.227,31 điểm.

Trong ngắn hạn dù đang trong nhịp tăng nhưng Vn-Index đang gặp thử thách thực sự khi tiệm cận ngưỡng kháng cự mạnh quanh 1.250 điểm và khả năng thị trường rung lắc và điều chỉnh mạnh có thể xảy ra. Về trung hạn Vn-Index đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm. Hiện tại VnIndex gần như tiệm cận vùng cản trên của kênh tích lũy nên rủi ro trong ngắn và trung hạn đang tăng lên.

Thị trường vận động tích cực và VnIndex đã vượt lên trên cản tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm và tiệm cận cản mạnh 1.250 điểm như chúng tôi đã kỳ vọng và dự báo, chúng tôi cũng đã có khuyến nghị cho những nhà đầu tư ngắn hạn tích cực giải ngân trong giai đoạn trước. Thị trường có thể sẽ có rung lắc và điều chỉnh trong thời gian tới, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và theo dõi thị trường, không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nhịp tăng của kênh tích lũy nhưng đã tiệm cận cản trên nên rủi ro cũng đang tăng lên, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định và ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân trung dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi khuyến nghị nếu nhà đầu tư trung hạn muốn giải ngân nên kiên nhẫn chờ đợi nhịp điều chỉnh.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

22/2/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVD	29.30	27.5-28.3	31-32	26	28.1	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.00	36.8-37.8	40-41	35	20.4	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.40	22.3	28-28.5	25	18.4%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	56.40	45.1	56-58	53	25.1%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	29.30	27.55	30-31	28	6.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.20	18.09	23-24	19	6.1%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Giá cà phê, giá tiêu đều tăng 5 ngày liên tiếp, vượt xa mức đỉnh năm 2023

Giá cà phê và giá tiêu đang trong xu hướng tăng trong những ngày gần đây. Theo khảo sát, giá cà phê tăng trung bình 3.500 đồng/kg so với tuần trước, đạt 82.500 đồng/kg. Giá tiêu ở mức 95.000 đồng/kg, tăng 4.000 đồng so với hôm qua. Đây đồng thời là ngày tăng thứ 5 liên tiếp và cao hơn khoảng 10.000 đồng/kg so với trước Tết. Năm vừa qua chứng kiến sự bùng nổ của giá cà phê trong nước và xuất khẩu. Đây cũng là yếu tố chính giúp cho ngành cà phê tiếp tục gia tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu dù sản lượng sụt giảm.

Chuẩn bị đấu giá 3 khối băng tần cho 5G

Công ty Đấu giá Hợp danh số 5- Quốc gia vừa ban hành các thông báo và quy chế đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với 3 khối băng tần B1 (2500-2600 MHz); với khối băng tần C2 (3700-3800 MHz), C3 (3800-3900 MHz). Thời gian bán và tiếp nhận hồ sơ đăng ký đấu giá bắt đầu từ ngày 23/2/2024. Giá khởi điểm của vòng đấu giá số 1 lần lượt là 3.983.257.500.000 tỷ đồng, 1.956.892.500.000 tỷ đồng và 1.956.892.500.000 tỷ đồng. Các doanh nghiệp trúng đấu giá được cấp giấy phép sử dụng các khối băng tần trong 15 năm.

Giá xăng, dầu cùng giảm

Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, Mỗi lít xăng giảm 320-360 đồng, các mặt hàng dầu (trừ mazut) cũng bớt 300-450 đồng. Như vậy, từ đầu năm đến nay giá xăng, dầu có 5 lần tăng, 3 lần giảm. Kỳ điều hành hôm nay, liên Bộ tiếp tục không trích, chi sử dụng từ Quỹ bình ổn giá (trừ dầu mazut mức trích lập là 300 đồng một kg). Nhà điều hành cho biết bình quân giá nhiên liệu thành phẩm 7 ngày qua giảm 0,2-3% tùy loại nhiên liệu, sau khi Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu dầu năm nay giảm, cũng như e ngại căng thẳng tại Trung Đông, Biển Đỏ.

Tư vấn lập quy hoạch: TP.HCM sẽ có 8 tuyến đường sắt và 7 ga chính

Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải đang tổ chức lấy ý kiến rộng rãi đối với báo cáo giữa kỳ Quy hoạch các tuyến, ga đường sắt khu vực đầu mối TP.HCM, do liên danh tư vấn lập quy hoạch đề xuất; theo đó, TP.HCM sẽ có tổng cộng 8 tuyến đường sắt và 7 nhà ga chính...Cụ thể, khu vực đầu mối TP.HCM sẽ quy hoạch 8 tuyến đường sắt, bao gồm: Tuyến Trảng Bom - Sài Gòn (Hòa Hưng) - Tân Kiên; tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu; tuyến TP.HCM - Lộc Ninh; tuyến TP.HCM - Cần Thơ; tuyến tốc độ cao Bắc Nam đoạn Thủ Thiêm - cảng hàng không Long Thành; tuyến Thủ Thiêm - Long Thành; tuyến TP.HCM - Tây Ninh và tuyến đường sắt kết nối cảng Hiệp Phước, cảng Long An.Liên danh tư vấn đồng thời đề xuất 7 ga chính, trong đó có 5 ga trung tâm. Đó là các ga: Sài Gòn (Hòa Hưng), An Bình, Bình Triệu, Tân Kiên, Thủ Thiêm, Trảng Bom và Thạnh Đức.

TIN DOANH NGHIỆP

Các dự án mới Vincom Retail có kế hoạch đưa vào vận hành trong năm 2024

Kết quả kinh doanh của CTCP Vincom Retail (Mã: VRE) tiếp tục tăng trưởng trong năm 2023 và thiết lập kỷ lục mới. Cụ thể, doanh thu thuần tăng hơn 33% lên 9.791 tỷ đồng; lãi ròng tăng gần 59% lên hơn 4.400 tỷ đồng; biên lãi gộp đạt 54,6%. Vincom Retail cho biết ưu tiên trong năm 2024 là tối ưu hóa hoạt động của 83 trung tâm thương mại đang hoạt động, bao gồm tăng tỷ lệ lấp đầy trung và giá thuê trung bình. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có kế hoạch khai trương thêm 6 TTTM với tổng diện tích mặt sàn bán lẻ khoảng 160.000 m2 trong năm 2024, nâng tổng số TTTM lên con số 89.

Vietjet đặt hàng 20 tàu A330neo của Airbus tại Singapore Airshow

Ngày 22/02/2024, tại triển lãm hàng không quốc tế Singapore Airshow 2024, hãng hàng không Vietjet và Tập đoàn chế tạo máy bay Airbus vừa ký kết thỏa thuận nguyên tắc đặt mua 20 máy bay thân rộng thế hệ mới A330neo (A330-900). Đây là đơn đặt hàng tàu bay thân rộng lớn nhất của Vietjet đến thời điểm hiện tại và là một trong những đơn hàng lớn nhất tại Singapore Airshow năm nay. Được trang bị động cơ Rolls-Royce Trent 7000 tiên tiến nhất, máy bay A330-900 có tầm bay liên tục 7.200nm/13.300km. Tính đến cuối tháng 1 năm 2024, dòng tàu A330 đã nhận được 1.771 đơn đặt hàng từ hơn 130 khách hàng trên toàn thế giới.

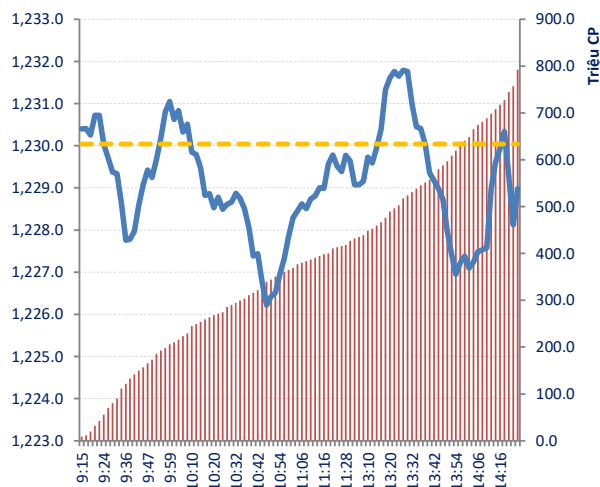
Vinfast ký thỏa thuận cung cấp 600 xe điện cho 03 doanh nghiệp Indonesia

Ngày 22/02/2024 - Trong khuôn khổ sự kiện IIMS 2024, VinFast chính thức ký kết Biên bản Ghi nhớ về việc cung cấp 600 xe điện cho 03 doanh nghiệp Indonesia là PT. Energi Mandiri Bumi Pertiwi, PT. Sumber Amarta Jaya và PT. Teknologi Karya Digital Nusa Tbk. Thỏa thuận này khẳng định uy tín của VinFast và sức hút của thương hiệu tại thị trường Indonesia. Thỏa thuận này đồng thời mở ra cơ hội để hãng xe điện Việt khai thác những tiềm năng to lớn của thị trường xe điện địa phương, cũng như thúc đẩy sự phát triển giao thông xanh trong khu vực.

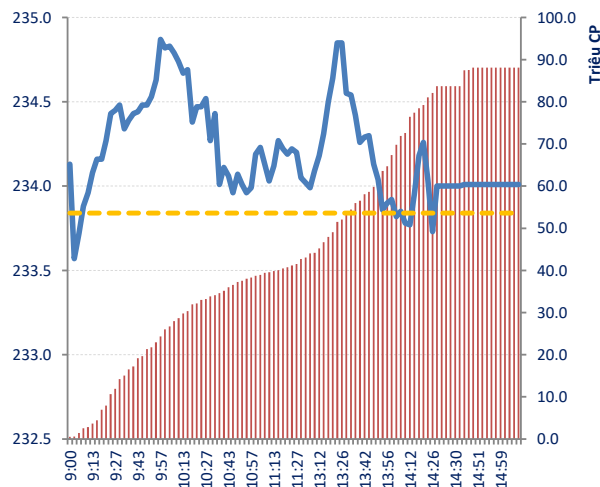
Bamboo Capital ước lãi quý I khoảng 100 tỷ đồng

Ngày 21/2, CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (Mã: BCG) công bố kết quả kinh doanh năm 2023 với doanh thu thuần đạt 4.012 tỷ đồng, LNST đạt 188 tỷ đồng, giảm lần lượt 12% và 65% so với năm 2022. Kết quả này giúp công ty thực hiện được lần lượt 58% và 29% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2023. Năm 2023, công ty dự kiến tổng công suất phát điện không tăng trưởng nhiều, tăng thêm khoảng 50 MW lên thành 750 MW và chỉ tập trung vào mảng áp mái được phát triển ở khu vực phía Bắc. Sang năm sau, khi thực hiện xong đầu tư giai đoạn 1 Nhà máy điện rác Củ Chi tại TP HCM, tập đoàn sẽ đưa tổng công suất nguồn phát lên hơn 1 GW.

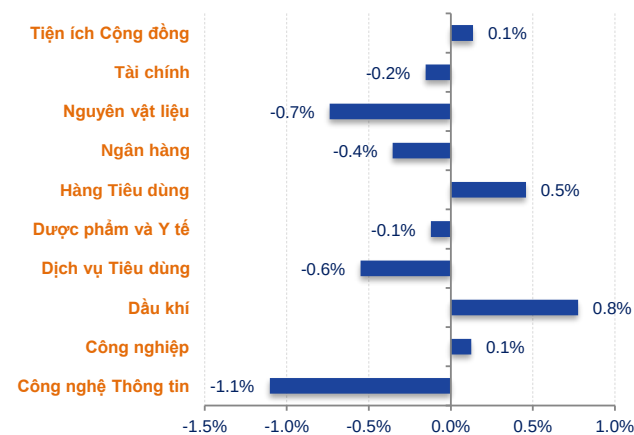
KLGD và VN-Index trong phiên



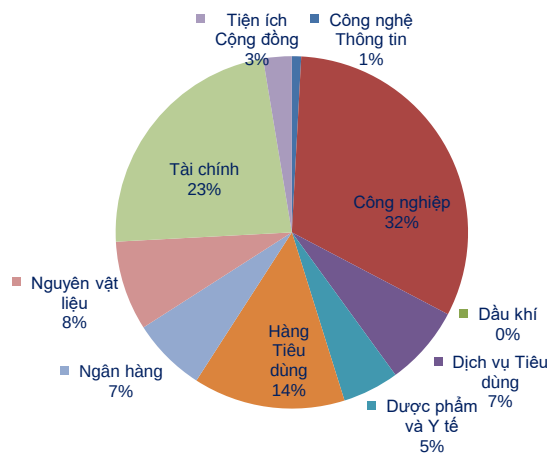
KLGD và HNX-Index trong phiên



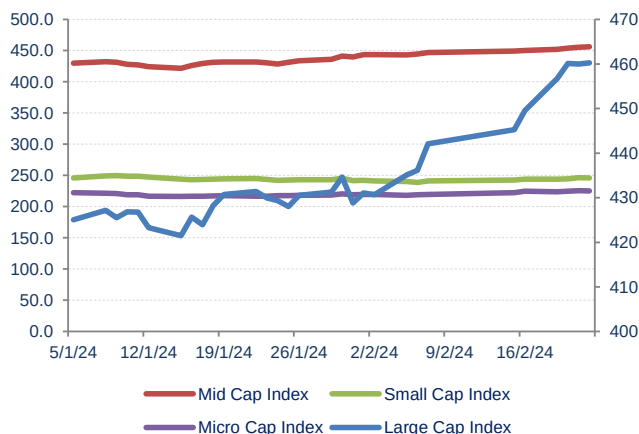
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



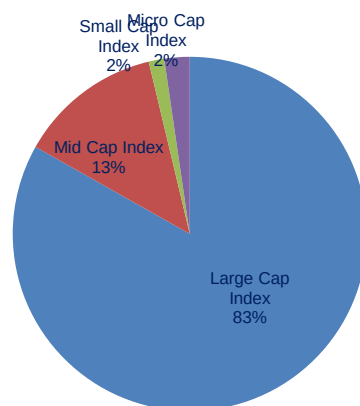
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ASM	4,457,100	VPB	5,933,368	1	IDC	586,472	SHS	365,410
2	CRE	1,935,291	HPG	5,228,497	2	VC7	129,900	VC9	136,700
3	LCG	1,401,412	STB	3,091,384	3	IDJ	114,800	PVS	78,800
4	PVD	898,300	EVF	2,873,200	4	MST	106,200	VGS	68,400
5	KHG	730,600	MWG	2,312,778	5	NDN	97,100	LAS	64,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.90	12.10	↑ 1.68%	45,132,900	SHS	17.90	17.70	↓ -1.12%	11,779,116
HPG	28.80	28.55	↓ -0.87%	22,608,301	HUT	19.20	19.00	↓ -1.04%	7,527,625
NVL	17.35	17.10	↓ -1.44%	22,159,900	CEO	21.80	21.50	↓ -1.38%	6,278,453
EVF	17.05	17.50	↑ 2.64%	19,546,200	PVS	36.90	37.00	↑ 0.27%	5,280,630
VND	22.60	22.50	↓ -0.44%	17,296,900	AMV	4.10	4.20	↑ 2.44%	5,243,716

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAF	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%	KTS	42.00	46.20	4.20	↑ 10.00%
DHM	7.77	8.31	0.54	↑ 6.95%	VNT	37.40	41.10	3.70	↑ 9.89%
FIT	4.75	5.08	0.33	↑ 6.95%	V12	12.20	13.40	1.20	↑ 9.84%
PTL	4.04	4.32	0.28	↑ 6.93%	MCO	16.50	18.10	1.60	↑ 9.70%
LSS	11.55	12.35	0.80	↑ 6.93%	CKV	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HRC	54.00	50.30	-3.70	↓ -6.85%	MKV	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
L10	21.30	19.90	-1.40	↓ -6.57%	NTH	58.40	52.70	-5.70	↓ -9.76%
SBV	10.60	10.25	-0.35	↓ -3.30%	VDL	15.70	14.20	-1.50	↓ -9.55%
SGT	12.50	12.10	-0.40	↓ -3.20%	VE3	10.50	9.50	-1.00	↓ -9.52%
SRF	9.07	8.78	-0.29	↓ -3.20%	NAP	13.30	12.10	-1.20	↓ -9.02%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	45,132,900	16.1%	2,064	5.9	0.9
HPG	22,608,301	6.9%	1,175	24.3	1.6
NVL	22,159,900	1.8%	413	41.4	0.7
EVF	19,546,200	5.1%	748	23.4	1.5
VND	17,296,900	13.0%	1,657	13.6	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	11,779,116	5.7%	688	25.7	1.4
HUT	7,527,625	0.6%	82	232.1	1.5
CEO	6,278,453	3.1%	408	52.7	1.8
PVS	5,280,630	6.6%	1,812	20.4	1.3
AMV	5,243,716	0.8%	104	40.5	0.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LAF	↑ 7.0%	14.0%	1,943	7.9	1.0
DHM	↑ 6.9%	1.7%	191	43.5	0.7
FIT	↑ 6.9%	-1.9%	(333)	-	0.3
PTL	↑ 6.9%	0.5%	23	192.0	0.9
LSS	↑ 6.9%	7.1%	1,606	7.7	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KTS	↑ 10.0%	19.4%	7,049	6.6	1.2
VNT	↑ 9.9%	-8.5%	(1,022)	-	3.1
V12	↑ 9.8%	7.5%	914	14.7	1.0
MCO	↑ 9.7%	0.6%	80	227.0	1.4
CKV	↑ 9.6%	3.1%	604	24.5	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ASM	4,457,100	2.7%	625	17.6	0.5
CRE	1,935,291	0.0%	5	1,645.5	0.7
LCG	1,401,412	4.7%	631	21.4	1.0
PVD	898,300	4.0%	1,040	28.2	1.1
KHG	730,600	2.4%	276	22.9	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	586,472	22.6%	4,221	13.7	3.1
VC7	129,900	3.6%	496	26.6	1.2
IDJ	114,800	5.8%	671	9.5	0.5
MST	106,200	9.1%	1,004	7.2	0.7
NDN	97,100	21.9%	3,051	3.8	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	21.7%	5,910	15.1	3.0
BID	283,597	19.0%	3,781	13.2	2.3
VHM	195,076	20.0%	7,607	5.9	1.1
CTG	191,709	17.0%	3,723	9.6	1.5
VIC	182,006	1.5%	533	89.3	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,074	22.6%	4,221	13.7	3.1
PVS	17,685	6.6%	1,812	20.4	1.3
HUT	16,958	0.6%	82	232.1	1.5
SHS	14,393	5.7%	688	25.7	1.4
THD	13,590	3.0%	470	75.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KSB	2.49	3.9%	1,006	25.7	1.1
VPH	2.45	0.4%	47	176.9	0.8
DXS	2.42	-2.1%	(293)	-	0.5
GIL	2.34	1.1%	395	82.3	0.9
LCG	2.34	4.7%	631	21.4	1.0

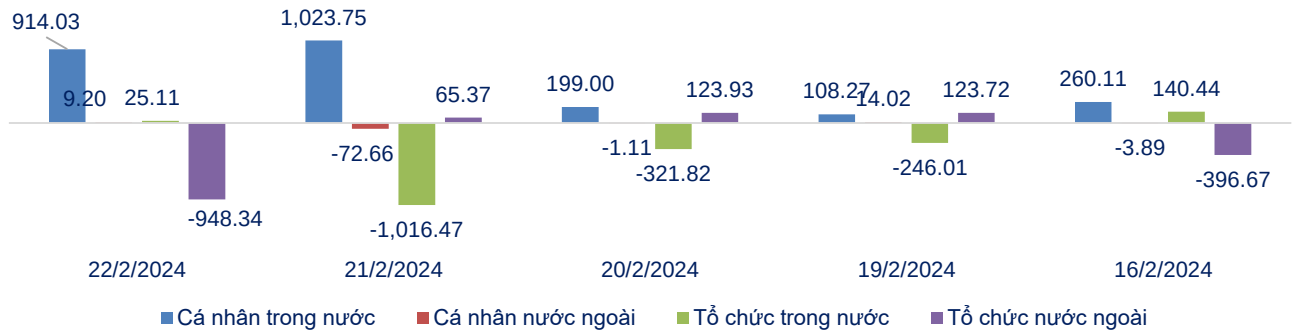
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.53	3.6%	496	26.6	1.2
C69	2.52	1.2%	156	51.4	0.6
VC2	2.41	2.0%	293	40.3	0.9
VIG	2.24	9.6%	685	11.2	1.0
IPA	2.14	7.9%	1,451	11.2	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	139.13	1.9%	439	66.6	1.3
VPB	117.14	8.3%	1,445	13.6	1.1
MSN	106.05	1.1%	293	232.1	2.5
MWG	89.24	0.7%	115	395.3	2.8
HPG	89.13	6.9%	1,175	24.3	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-58.82	14.7%	5,118	7.9	1.1
EVF	-52.56	5.1%	748	23.4	1.5
DGC	-51.52	27.2%	8,186	12.4	3.2
DCM	-49.30	10.7%	2,091	16.4	1.8
BID	-39.40	19.0%	3,781	13.2	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	1.86	11.6%	1,444	12.5	1.4
SSI	1.51	10.1%	1,531	22.6	2.2
NT2	1.38	11.1%	1,722	15.2	1.7
SKG	1.20	8.1%	1,101	13.5	1.1
SHB	1.19	16.1%	2,064	5.9	0.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-1.56	0.7%	115	395.3	2.8
TPB	-1.18	13.7%	2,019	9.7	1.3
MSN	-0.75	1.1%	293	232.1	2.5
VNM	-0.72	26.2%	4,248	16.9	4.3
GIL	-0.70	1.1%	395	82.3	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	101.78	5.1%	748	23.4	1.5
HPG	60.93	6.9%	1,175	24.3	1.6
TCB	58.82	14.7%	5,118	7.9	1.1
DCM	51.48	10.7%	2,091	16.4	1.8
CTG	47.76	17.0%	3,723	9.6	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-141.60	1.9%	439	66.6	1.3
NVL	-72.95	1.8%	413	41.4	0.7
CTR	-60.16	28.6%	4,515	22.0	5.7
FPT	-45.56	23.4%	5,105	20.5	4.4
ASM	-44.92	2.7%	625	17.6	0.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	54.09	27.2%	8,186	12.4	3.2
ASM	48.28	2.7%	625	17.6	0.5
PVD	26.64	4.0%	1,040	28.2	1.1
LCG	19.12	4.7%	631	21.4	1.0
CTD	19.09	2.3%	1,898	36.3	0.8

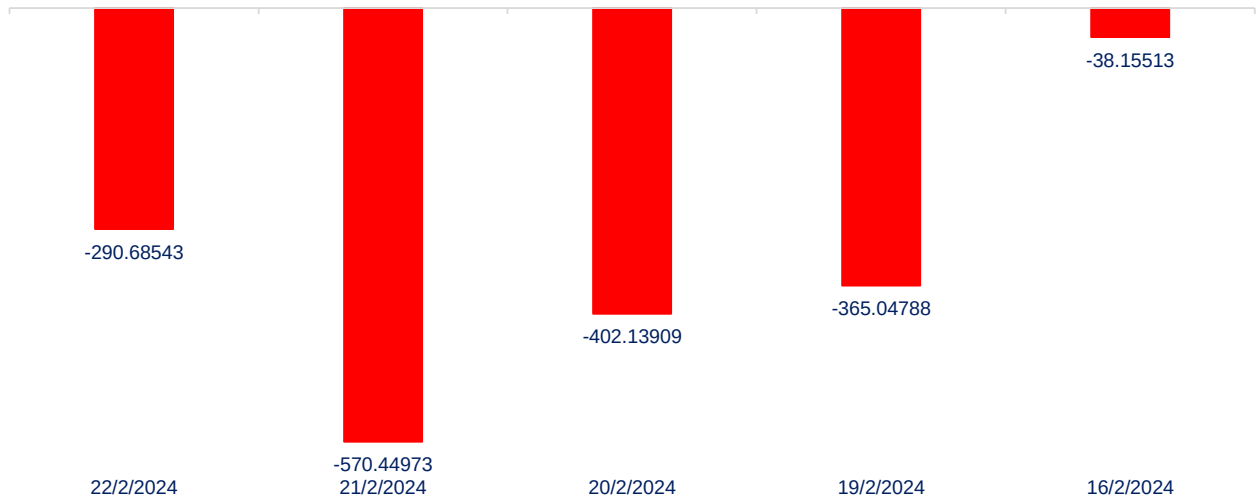
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-150.35	6.9%	1,175	24.3	1.6
VPB	-117.20	8.3%	1,445	13.6	1.1
MSN	-108.68	1.1%	293	232.1	2.5
MWG	-103.92	0.7%	115	395.3	2.8
STB	-96.16	18.3%	4,094	7.6	1.3

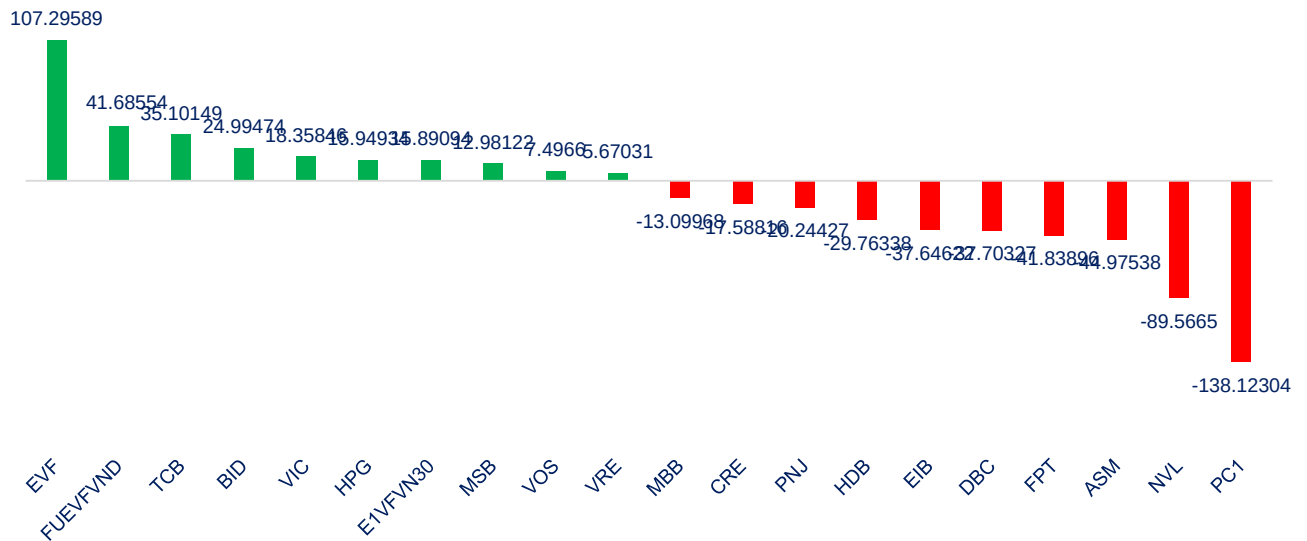


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn